TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HS-PT
Ngày 22-11-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Minh Tự

Ông Ngô Đê

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ Lăng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hoàng -Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 86/2018/TLPT-HS ngày 01tháng 11năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy T, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thùy T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2018/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh V.

-Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1976 tại T. Nơi cư trú: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh V; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 và bà Lâm Thị T, sinh năm 1956; có chồng tên Từ Văn T, sinh năm 1985 và con có 01 người sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân tốt; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do không có kháng cáo, không có kháng nghị và không có liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thi Thùy T làm thuê cho chị Võ Thị Hồng Y, sinh năm 1982, ngụ số 331/24, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh V. Trong thời gian làm thuê bị cáo T đã lén lút thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ ngày 10 tháng 4 năm 2018 chị Y đi vắng nhà, bị cáo T dọn dẹp phòng ngủ của chị Y thấy cánh cửa tủ quần áo khép hờ nên bị cáo T đã lục soát bên trong, lấy trộm cái hộp màu hồng có chứa nữ trang bằng kim loại màu vàng, màu trắng và tiền Việt Nam. Để tránh bị phát hiện bị cáo T không lấy hết số nữ trang trong hộp mà chỉ lấy 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và 01 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng có cẩn nhiều hạt trắng hình bông mai, loại vàng 18k, có trọng lượng khoảng 03 chỉ, rồi cất giấu tài sản vừa lấy trộm trong túi quần và tiếp tục làm việc, đến khi hết giờ làm bị cáo T đem chiếc vòng vàng bán cho chị Huỳnh Thị Ngọc C, sinh năm 1982 là chủ tiệm vàng V, tại khóm 2, phường 3, thành phố Trà V, tỉnh V được số tiền 8.200.000 đồng (tám triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền bị cáo T chiếm đoạt được là 9.200.000 đồng (chín triệu hai trăm nghìn đồng), bị cáo T tiêu xài hết.

Lần thứ hai: Vào khoảng 10 giờ ngày 28 tháng 4 năm 2018 chị Y đi vắng nhà, bị cáo T đã lén lút mở tủ quần áo trong phòng riêng của chị Y, lấy cái hộp màu hồng, bị cáo T thấy bên trong chứa nhiều nữ trang và tiền Việt Nam. Để tránh bị phát hiện bị cáoT không lấy hết, chỉ lấy 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng). 02 (hai) chiếc nhẫn kiểu nữ gồm 01 chiếc lớn và 01 chiếc nhỏ, loại vàng 18K (trọng lương 02 chỉ). 02 (hai) dây chuyền dạng mắc xích có kèm 02 mặt dây chuyền, loại 18K (trọng lượng 2.5 chỉ). 01 (một) mặt dây chuyền hình bông mai, có đính hột màu trắng, loại vàng 18K (trọng lượng 01 chỉ). Lấy được tài sản, bị cáo T tiếp tục làm việc, đến chiều T đem số vàng đã trộm bán cho chị Huỳnh Thị Ngọc C, được số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tổng tài sản bị cáo T chiếm đoạt được là 11.700.000 đồng (mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Cả hai lần trộm của bị cáo T không thu được tài sản, nên không trưng cầu định giá tài sản được.

Lần thứ ba: Vào khoảng 10 giờ ngày 05 tháng 5 năm 2018 chị Y vắng nhà bị cáo T tiếp tục mở cửa tủ quần áo phòng riêng của chị Y, mở cái hộp màu hồng lấy trộm 370.000 đồng (ba trăm bảy mươi nghìn đồng) và 01 dây chuyền dạng mắc xích, loại vàng 18K, 01 mặt dây chuyền hình cầu, loại 18K, có cẩn nhiều hạt trắng. Bị cáo T cất giấu tài sản trong cốp xe rồi tiếp tục làm việc. Khi chị Y về thì thấy tài sản bị mất nên đã trình báo Công an. Quá trình làm việc bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T đã giao nộp toàn bộ tài sản lần thứ ba trộm cắp cho Cơ quan điều tra niêm phong quản lý.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với chất kim loại mà bị cáo T đã trộm.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018 Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an – C54B kết luận:

- 01 dây chuyền dạng mắc xích bằng kim loại vàng có trọng lượng 3,7169 gam, có thành phần kim loại vàng (Au); trong đó hàm lượng vàng (Au) chiếm 73,15%; hàm lượng đồng (Cu) chiếm 17,11%; hàm lượng bạc (Ag) chiếm 9,74%.

- 01 mặt dây chuyền hình cầu bằng kim loại vàng có trọng lượng 1,7150 gam, có thành phần kim loại vàng; trong đó hàm lượng vàng (Au) chiếm 61,07%; hàm lượng đồng (Cu) chiếm 25,51%; hàm lượng bạc (Ag) chiếm 14,32%.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà V yêu cầu định giá tài sản kim loại trên. Tại kết luận định giá số 41/BB-HĐĐG ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố T kết luận:

- 01 dây chuyền dạng mắc xích bằng kim loại vàng có trọng lượng 3,7169 gam, có thành phần kim loại vàng (Au); trong đó hàm lượng vàng (Au) chiếm 73,15%; hàm lượng đồng (Cu) chiếm 17,11%; hàm lượng bạc (Ag) chiếm 9,74%. Tương đương 0,991 chỉ x 2.460.000 đồng = 2.437.860 đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi đồng).

- 01 mặt dây chuyền hình cầu bằng kim loại vàng có trọng lượng 1,7150 gam, có thành phần kim loại vàng; trong đó hàm lượng vàng (Au) chiếm 61,07%; hàm lượng đồng (Cu) chiếm 25,51%; hàm lượng bạc (Ag) chiếm 14,32%. Tương đương 0,457 chỉ x 2.460.000 đồng = 1.124.220 đồng (một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi đồng).

Tổng tài sản trên của chị Hồng Y tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là: 3.562.080đồng. Cộng với số tiền Việt Nam 370.000 đồng mà bị cáo T đã giao nộp ngày 05 tháng 5 năm 2018. Tổng giá trị thành tiền là: 3.932.080 đồng (ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng).

Đối với chị Huỳnh Thị Ngọc C là người mua nữ trang do bị cáo T phạm tội mà có. Tuy nhiên, khi mua thì chị C hoàn toàn không biết số tài sản trên do phạm tội mà có, nên không đề cặp xử lý.

Đối với vật chứng của vụ án:

Tiền Việt Nam: 370.000 đồng (ba trăm bảy nghìn đồng).

- 01 dây chuyền dạng mắc xích bằng kim loại vàng có trọng lượng 3,7169 gam, có thành phần kim loại vàng (Au); trong đó hàm lượng vàng (Au) chiếm 73,15%; hàm lượng đồng (Cu) chiếm 17,11%; hàm lượng bạc (Ag) chiếm 9,74%.

- 01 mặt dây chuyền hình cầu bằng kim loại vàng có trọng lượng 1,7150 gam, có thành phần kim loại vàng; trong đó hàm lượng vàng (Au) chiếm 61,07%; hàm lượng đồng (Cu) chiếm 25,51%; hàm lượng bạc (Ag) chiếm 14,32%.

Các loại vật chứng trên đã được trao trả lại cho chị Võ Thị Hồng Y quản lý sử dụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2018/HS-ST ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh V đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2018, bị cáo Nguyễn Thị Thùy T kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Thùy T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm thể hiện là đúng. Bị cáo không kháng cáo về nội dung vụ án, bị cáo chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo.

-*Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh*: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sư năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Về căn cứ kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thùy T xin được hưởng án treo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thùy T là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, qua tranh tụng tại phiên tòa hôm nay bị cáo biết rất rõ trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, khi thực hiện hành vi bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của chị Y giao nhà cho bị cáo trông coi nên bị cáo lén lút trộm cắp trong khoảng thời gian kể từ ngày 10/4/2018 đến ngày 05/5/2018 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 lần với tổng giá trị tài sản là trên 25.000.000 đồng, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng pháp luật. Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T có đủ sức khỏe để tham gia lao động nhưng không chịu lao động mà lại trộm cắp tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân, hành vi của bị cáo không chỉ chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình

hình an ninh trật tự tại địa phương. Qua xem xét mức án 10 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là đã xem xét, đầy đủ toàn diện các tình tiết giảm nhẹ và có nhiều chiếu cố đối với bị cáo, mức hình phạt trên cũng đã đáp ứng được mục đích hình phạt để giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Từ đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Đề nghị của Viện Kiểm sát xét xử phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Thùy T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2018/HS-ST, ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh V.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam;
- TAND thành phố T;
- VKSND thành phố T;
- CA thành phố T;
- CC THADS thành phố T;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành